

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2024/DS-PT

Ngày: 19 - 7 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Nữ Phà Ca

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Phạm Trường Thọ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DSST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lưu Tấn T, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Chị Lưu Kim T1, sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở hiện nay: Tổ G, ấp F, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Lưu Kim T1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lưu Tấn T do ông Trần Văn Á làm đại diện trình bày:*

Vào tháng 03 năm 2022 chị Lưu Kim T1 là chị ruột của anh Lưu Tấn T, có nhờ anh T thuê 11 (Mười một) công cam lá để chị T1 phát triển kinh tế.

Ngày 29/04/2022, chị T1 nhờ anh T vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và 02 chỉ vàng 24K của ông Đoàn Văn T2 để trả tiền thuê cam lá cho chị T1.

Ngày 03/05/2022 anh T có bảo lãnh cho chị Lưu Kim T1 vay tiền của ông Nguyễn Văn K số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Ngày 09/06/2022, chị T1 có nhờ anh T mượn của anh Nguyễn Văn Đ số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để trả tiền mua cam lá cho chị T1.

Vào tháng 05/2022 sau khi thuê được 11 công cam lá chị T1 có nhờ anh T mua màng phủ để phủ gốc cam tổng cộng số tiền là 60.500.000 đồng (Sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng) và đến cửa hàng T3 mua thêm 01 bộ ghế salon cột 10 tràm 6 món với giá 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 26/06/2022 chị T1 có nhờ anh T mua phân để bón cho cam số tiền 17.900.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng), lần thứ 02 mua thêm thuốc trừ sâu cho cam số tiền 2.690.000 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn).

Như vậy, tổng cộng chị Lưu Kim T1 đã nhờ anh T vay, mua phân, bàn ghế số tiền là 214.590.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Nay anh Lưu Tấn T do ông Á làm đại diện yêu cầu chị Lưu Kim T1 có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền là 214.590.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lưu Kim T1 trình bày:*

Chị thừa nhận có nhận số tiền của anh T tổng cộng 05 lần là 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 02 chỉ vàng 24K.

Ngày 20/04/2022 chị mượn của anh T mua 01 bộ bàn ghế salon 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 21/05/2022 AL chị có mượn của anh T 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để trả tiền cọc mua cam.

Ngày 24/05/2022 AL chị có mượn của anh T 02 chỉ vàng bán mua phân thuốc vô cam.

Khoảng tháng 07/2023 AL chị có mượn của anh T 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để đưa thêm tiền cọc thuê đất cam.

Tiền đập màn phủ 05 công cam 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T thì chị không đồng ý với số tiền 214.590.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng) như ông T yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Tấn T do ông Trần Văn Ấ làm đại diện.

Buộc chị Lưu Kim T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Lưu Tấn T số tiền nợ là 214.590.000 đồng (hai trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, bị đơn chị Lưu Kim T1 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Tấn T và chị T1 đồng ý trả cho anh T là tổng cộng 05 lần là 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 02 chỉ vàng 24K.

Ngày 02 tháng 05 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long có quyết định kháng nghị số 216/QĐ-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lưu Tấn T và bị đơn chị Lưu Kim T1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Chị T1 kháng cáo đồng ý trả cho anh T số tiền 126.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, loại vàng 9999 (tương đương 15.000.000 đồng) và anh T đồng ý.

Vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút yêu cầu kháng nghị số 216/QĐ-VKS-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long về phần hủy án sơ thẩm. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị T1; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Buộc chị Lưu Kim T1 có nghĩa vụ trả tiền cho anh Lưu Tấn T số tiền 126.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Do kháng cáo của chị T1 được chấp nhận nên chị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm anh T và chị T1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị T1 trả cho anh T số tiền 126.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, loại vàng 9999 (tương đương số tiền 15.000.000 đồng) và anh T đồng ý.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút phần kháng nghị số 216/QĐ-VKS-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long về phần hủy án sơ thẩm. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp tình tiết vụ án nên được chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T1 phải chịu án phí trên số tiền có nghĩa vụ trả cho anh T là 126.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, loại vàng 9999 (tương đương 15.000.000 đồng). Tổng cộng bằng 141.000.000 đồng x 5% = 7.050.000 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các phần khác bản án sơ thẩm về việc anh T không phải chịu án phí sơ thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh T không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lưu Kim T1; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.  
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Tấn T.

Buộc bà Lưu Kim T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lưu Tấn T số tiền là 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Lưu Kim T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lưu Tấn T 02 (Hai) chỉ vàng 24K (loại 9999).

2. Án phí dân sự:

Bà Lưu Kim T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.050.000 đồng và không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 9008 ngày 25/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc bà Lưu Kim T1 nộp tiếp số tiền 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các phần khác bản án sơ thẩm về việc anh Lưu Tấn T không phải chịu án phí sơ thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh T không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TANDHVL: 01;
- VKSND HVL: 01;
- Chi Cục THADS HVL: 01;
- Đường sự: 02;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Son Nữ Phà Ca**